

Bản án số: **60/2023/KDTM-PT**

Ngày: 11/01/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán:

1/ Bà Hoàng Thị Bích Thảo

2/ Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2022/TLPT-KDTM ngày 23/11/2022: “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Do Bản án sơ thẩm số 1589/2022/KDTM-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bị bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6300/2022/QĐXX-PT ngày 14/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2023/QĐ-PT ngày 04/01/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần X

Trụ sở: 93 Đường N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1987

2/ Ông Trần Tiến L, sinh năm 1993

Địa chỉ liên lạc: 93 Đường N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ

Trụ sở: 2W Đường U, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Xuân C, sinh năm 1983

Địa chỉ: Căn hộ 9.10, Chung cư N, Số 36, Đường 7, Tổ 9, Khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Ngô Viết Quốc T – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn, bị đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/04/2017, Công ty Cổ phần X (sau đây gọi là “X”) đã ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số: 48/2017/HĐXD/DXG-X với Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đ, tên gọi hiện nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ (sau đây gọi là “Đ”). Theo đó, Đ là chủ đầu tư giao X là nhà thầu thi công kết cấu phần móng và kết cấu phần khung thuộc Dự án Chung cư thương mại dịch vụ, phường P, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (L GARDEN) tại địa chỉ: 370 Đường Q, phường P, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Hình thức của hợp đồng là đơn giá cố định, khối lượng thực tế, giá trị hợp đồng tạm tính tại thời điểm ký hợp đồng là 168.250.000.000 đồng.

Sau khi hợp đồng được ký kết, phía Đ nhiều lần thay đổi bản vẽ thiết kế của công trình. Căn cứ các bản vẽ của Đ, X đã thi công hoàn thành công trình đúng tiến độ với khối lượng thi công thực tế (đã bao gồm VAT) là 185.999.158.230 đồng.

Đến nay, công trình L GARDEN đã hoàn thành đưa vào sử dụng. Tại Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình số: 27/2018/DXG/KTKDA ngày 02/7/2018, Đ đã xác nhận: “Thực tế hiện trường công trình đã được nhà thầu thi công đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, đáp ứng các yêu cầu thiết kế đề ra. Công trình được thi công đúng theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận.”

Ngày 20/8/2018, Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đã ban hành Thông báo số: 145/GĐ-GĐI chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư đưa vào sử dụng đối với công trình L GARDEN. Vào các ngày 09/07/2018, 11/7/2018, 13/7/2018, 16/7/2018, 17/7/2018 và 04/8/2018 X đã bàn giao cho Đ đầy đủ hồ sơ quyết toán hợp đồng và hết thời hạn 15 ngày Đ không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nào đối với hồ sơ quyết toán nhận được từ X. Tuy nhiên, phía Đ không thực hiện nghĩa vụ quyết toán hợp đồng và không thanh toán cho X theo giá trị thi công thực tế.

Tính đến ngày 15/10/2018, Đ mới chỉ thanh toán cho X số tiền là: 153.189.010.250 đồng. Căn cứ vào phần khối lượng thực tế theo kết luận giám định thì số tiền còn lại Đ chưa thanh toán cho X là 30.768.996.636 đồng cụ thể như sau:

1/ Phần trọn gói: 45.323.559.101 đồng (bao gồm 10% VAT):

- Công tác sơ bộ ban đầu: 21.531.443.859 đồng.
- Biện pháp thi công: 17.623.753.799 đồng.
- Công tác đào và đắp: 2.048.037.888 đồng.

2/ Phần khối lượng thực tế theo kết luận giám định: 138.634.447.785 đồng (bao gồm 10% VAT)

Tổng cộng: $1 + 2 = 183.958.006.886$ đồng.

Đã thanh toán: 153.189.010.250 đồng.

Còn lại: 30.768.996.636 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện hợp đồng, X phải tạm dừng thi công do Đ bàn giao mặt bằng không đủ điều kiện thi công khi chưa được cấp Giấy phép xây dựng mà không thông báo cho X biết. Ngày 03/7/2017, Đ mới được Sở Xây dựng cấp Giấy phép xây dựng. Như vậy, Lệnh khởi công số: 08/2017/LKC/QLXD/LUG ngày 07/4/2018 của Đ là không hợp pháp và ngày 09/6/2017 Đ đã gửi cho X công văn số: 327/2017/DXG/QLXD/Lug thông báo sẽ thanh toán cho X các chi phí phát sinh do việc tạm dừng thi công nhưng đến nay Đ vẫn không thực hiện. Mặc dù X đã nhiều lần yêu cầu Đ quyết toán hợp đồng và thanh toán số tiền còn lại cho X nhưng Đ liên tục né tránh, không thực hiện nghĩa vụ thanh quyết toán hợp đồng cho X của Đ là vi phạm hợp đồng, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của X.

X khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên:

1. Công nhận giá trị quyết toán Hợp đồng thi công xây dựng số: 48/2017/HĐXD/DXG-X giữa X và Đ theo khối lượng thi công thực tế là 185.999.158.230 đồng.

2. Buộc Đ phải trả cho X số tiền chưa thanh toán (đã bao gồm VAT) Hợp đồng gồm 2 phần là phần trọn gói và phần khối lượng thực tế, đơn giá cố định. Tổng giá trị X thực tế thi công (gồm VAT) là 183.958.006.886 đồng. X đề nghị Tòa án công nhận giá trị quyết toán công trình là 183.958.006.886 đồng. Giá trị Đ đã thanh toán (gồm VAT) là 153.189.010.250 đồng. Như vậy, Đ còn phải trả cho X số tiền là 30.768.996.636 đồng.

3. Chi phí dừng thi công

Buộc Đ phải bồi thường cho X các chi phí phát sinh do việc tạm dừng thi công với số tiền tạm tính (đã bao gồm VAT) là 6.068.525.067. Do khi khởi công, chưa có giấy phép xây dựng nên công trình phải tạm dừng thi công 35 ngày và X liệt kê các chi phí phát sinh do việc tạm dừng thi công. Nội dung này được Đ xác nhận tại công văn 327 ngày 09/6/2017. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 113, điểm a khoản 4 Điều 146 Luật Xây dựng 2014, Đ phải bồi thường cho bên nhận thầu do nguyên nhân của bên giao thầu dẫn đến công việc theo hợp đồng bị gián đoạn.

4. Lãi chậm trả

Theo Công văn số 1885/BIDV.HCM-KHDN1 ngày 16/6/2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – là ngân hàng X mở tài khoản thanh toán, mức lãi suất quá hạn là 12%/năm.

Mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường hiện nay là từ 11%/năm đến 12%/năm. Tuy nhiên, X chỉ yêu cầu mức lãi suất là 10.5%/năm theo đơn khởi kiện, thấp hơn mức lãi suất quá hạn của các ngân hàng. Thời gian tính lãi chậm trả tính từ khi Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán sau 15 ngày kể từ ngày 09/7/2018 là ngày X gửi đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ tức là: từ 24/7/2018 đến ngày 10/8/2022 là 1.478 ngày.

$30.768.996.636 \text{ đồng} \times 10.5\%/năm \times 1.478 \text{ ngày} = 13.264.001.633 \text{ đồng}.$

5. Phạt vi phạm

Điều 10.10 của hợp đồng quy định:

“10.10 Phạt bên A chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán”

Khi thực hiện hợp đồng, Đ chuyển tiền cho X thông qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank). Tuy nhiên, hiện tại ngân hàng mà Đ đang giao dịch là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (VietinBank). Mặt khác lãi suất tiền gửi kỳ hạn 01 tháng tại VietinBank (3.1%/năm) nhỏ hơn lãi suất tiền gửi kỳ hạn 01 tháng tại VPBank (3.9%/năm). Do đó, nguyên đơn lựa chọn lãi suất tiền gửi kỳ hạn 01 tháng tại VietinBank là 3.1%/năm.

Thời gian tính lãi phạt vi phạm tính từ khi Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán sau 15 ngày kể từ ngày 09/7/2018 là ngày X gửi đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ và cộng thêm 30 ngày theo quy định tại Điều 10.10 tức là từ 24/8/2018 đến ngày 10/8/2022 là 1.447 ngày.

$30.768.996.636 \text{ đồng} \times 3.1\%/năm \times 1.447 \text{ ngày} = 3.833.902.450 \text{ đồng}.$

Tuy nhiên, mức phạt hợp đồng tối đa là: 3.692.279.596 đồng. Do đó X yêu cầu mức phạt là 3.692.279.596 đồng.

Do đó, tổng số tiền Đ phải trả cho X tính đến ngày xét xử là 53.793.802.932 đồng.

Đại diện bị đơn Đ ông Võ Xuân C trình bày:

- Về yêu cầu thứ 1 của nguyên đơn:

Ngày 05/4/2017, giữa Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đ nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ và Công ty Cổ phần X có ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số 48/2017/HĐXD/DXG - X. Theo đó, Đ giao cho X thi công gói thầu “Thi công kết cấu phần móng và kết cấu phần khung” tại dự án Chung cư Thương mại Dịch vụ, phường P, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (“L GARDEN”) tại địa chỉ: 370 Đường Q, phường P, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng thời gian thi công gói thầu này theo hợp đồng là 262 ngày. Tổng giá trị hợp đồng (đã bao gồm 10 % thuế VAT) là 168.250.000.000 đồng, chi tiết giá trị hợp đồng này được thể hiện tại “Bảng tổng hợp giá trị hợp đồng”

đính kèm. Cho đến thời điểm hiện nay chủ đầu tư Đ đã thanh toán cho X tổng số tiền là 153.189.010.250 đồng. Khi thi công hợp đồng này có phát sinh khối lượng thi công từ tầng 10 trở lên, tuy nhiên giữa nguyên đơn và bị đơn chưa ký các phụ lục phát sinh để xác nhận giá trị thực tế thi công tại công trình. Như vậy số tiền mà Đ còn chưa thanh toán theo hợp đồng trên là 15.060.989.750 đồng. Khối lượng thực tế phát sinh thêm của hợp đồng theo yêu cầu khởi kiện X đề nghị các bên có thẩm quyền ngồi lại để thống nhất giá trị phát sinh nếu có. Trường hợp có phát sinh khối lượng thực tế thi công thì Đ đồng ý thanh toán cho X theo giá trị các bên xác nhận, trường hợp các bên không xác nhận được thì giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về yêu cầu thứ 2 của nguyên đơn:

X yêu cầu Đ thanh toán tổng số tiền là 30.768.996.636 đồng. Đ đồng ý trả số tiền là 15.060.989.750 đồng khi nhận được đầy đủ hồ sơ quyết toán hợp lệ từ X, đến nay Đ đã nhận được hay chưa thì đại diện theo ủy quyền chưa nắm rõ. Đối với khối lượng thực tế phát sinh thêm của hợp đồng theo yêu cầu khởi kiện X đề nghị các bên có thẩm quyền ngồi lại để thống nhất giá trị phát sinh nếu có. Trường hợp có phát sinh khối lượng thực tế thi công thì Đ đồng ý thanh toán cho X theo giá trị các bên xác nhận, trường hợp các bên không xác nhận được thì giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về yêu cầu thứ 3 của nguyên đơn:

Nhà thầu X yêu cầu bồi thường chi phí phát sinh do tạm dừng thi công là 6.068.525.067 đồng là không có cơ sở. Vì khi tạm dừng thi công do yếu tố khách quan và được chủ đầu tư chấp thuận, nhà thầu chỉ được tính trên các chi phí bị ảnh hưởng trực tiếp bởi việc tạm dừng thi công bao gồm: chi phí công tác sơ bộ ban đầu và chi phí BPTC liên quan do việc tạm dừng thi công như thuê cù Larsen; thuê shoring; cung cấp và vận hành cầu tháp. Tất cả các công tác trên được tính theo số ngày tạm dừng thực tế được chủ đầu tư xác nhận và chấp thuận. Như vậy, X yêu cầu thanh toán chi phí phát sinh do tạm dừng thi công là 6.068.525.067 đồng nhưng không có hồ sơ chứng minh, được chủ đầu tư xác nhận để làm cơ sở thanh toán.

Do dừng thi công do yếu tố khách quan giữa chủ đầu tư và nhà thầu đã có văn bản trao đổi qua lại, do đó việc bồi thường chi phí phát sinh do dừng thi công thì số tiền mà X đưa ra là 6.068.525.067 đồng là quá cao so với thực tế và không có hồ sơ chứng minh được chủ đầu tư xác nhận làm cơ sở thanh toán. Do đó, X đưa ra chứng cứ, chứng minh về chi phí bồi thường này, Đ không thể đưa ra được một con số cụ thể, đề nghị các bên ngồi lại xem xét và quyết định.

- Về yêu cầu thứ 4 của nguyên đơn:

Đ không đồng ý với các yêu cầu này về tính lãi phát sinh, vì Đ và X chưa xác nhận được khoản nợ phát sinh để xác định nghĩa vụ thanh toán, vì vậy tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán của X là không có cơ sở. Đối với số tiền chậm trả theo hợp đồng là 15.060.989.750 thì Đ cũng không đồng ý trả lãi vì X vẫn chưa giao hồ sơ quyết toán hợp lệ.

- Về yêu cầu thứ 5 của nguyên đơn:

Đ không đồng ý trả tiền phạt vi phạm vì hồ sơ các bên chưa quyết toán theo quy định nên chưa có cơ sở thanh toán cho nhau.

Ngày 11/3/2022, Đ được Tòa án cung cấp Kết luận giám định tư pháp xây dựng số 12/KLGĐ - TTTK ngày 18/11/2021 của Trung tâm Quản lý Nhà và Giám định Xây dựng. Đ không đồng ý đối với kết quả giám định tư pháp này và Đ không yêu cầu Tòa án Trung cầu giám định lại tại một công ty khác có thẩm quyền.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa: Công ty Cổ phần X và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ cụ thể: Đ đồng ý thanh toán cho X 30.000.000.000 đồng theo Hợp đồng thi công xây dựng số: 48/2017/HĐXD/DXG-X ngày 05/4/2017 giữa X và Đ.

Đại diện nguyên đơn yêu cầu:

1/ Lãi chậm trả trên số tiền chưa thanh toán tính từ khi Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán sau 15 ngày kể từ ngày 06/8/2018 (ngày X gửi đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ) tức là từ ngày 22/8/2018 đến ngày 16/8/2022 là 1.456 ngày.

$30.000.000.000 \text{ đồng} \times 10.5\%/năm \text{ (lãi 1 ngày} = 0.028767123\%) \times 1.456 \text{ ngày} = 12.565.479.452 \text{ đồng (2).}$

2/ Phạt vi phạm tính từ khi Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán sau 15 ngày kể từ ngày 19/7/2018 (ngày X gửi đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ và cộng thêm 30 ngày theo quy định tại điều 10.10) tức là từ 21/9/2018 đến ngày 16/8/2022 là 1.425 ngày.

$30.000.000.000 \text{ đồng} \times 3.1\%/năm \text{ (lãi 1 ngày} = 0.008493151\%) \times 1.425 \text{ ngày} = 3.600.000.000 \text{ đồng (3).}$

Tổng số tiền Đ phải trả cho X tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: (1) + (2) + (3) = 30.000.000.000 đồng + 12.565.479.452 đồng + 3.600.000.000 đồng = 46.165.479.452 đồng.

3/ Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Công nhận giá trị quyết toán Hợp đồng thi công xây dựng số: 48/2017/HĐXD/DXG-X giữa X và Đ ngày 05/4/2017 theo khối lượng thi công thực tế là 185.999.158.230 đồng.

- Buộc Đ phải bồi thường cho X các chi phí phát sinh do việc tạm dừng thi công với số tiền tạm tính (đã bao gồm VAT) là: 6.068.525.067 đồng theo Hợp đồng thi công xây dựng số: 48/2017/HĐXD/DXG-X giữa X và Đ ngày 05/4/2017.

Đ rút đơn yêu cầu phản tố tại phiên tòa buộc X chịu phạt vi phạm chậm quyết toán hợp đồng từ ngày 20/8/2018 là 16.680.000.000 đồng. Thống nhất thanh toán cho X 30.000.000.000 đồng theo Hợp đồng thi công xây dựng số: 48/2017/HĐXD/DXG-X ngày 05/4/2017 giữa X và Đ. Ngoài ra, Đ không đồng ý thanh toán cho X bất kỳ khoản tiền nào khác do X chậm làm hồ sơ quyết toán hợp đồng.

Bản án sơ thẩm số 1589/2022/KDTM-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ đồng ý thanh toán cho Công ty Cổ phần X là 30.000.000.000 (ba mươi tỷ đồng) (1) theo Hợp đồng thi công xây dựng số: 48/2017/HĐXD/DXG-X ngày 05/4/2017 giữa Công ty Cổ phần X với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Cổ phần X.

Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ thanh toán cho Công ty Cổ phần X theo Hợp đồng thi công xây dựng số: 48/2017/HĐXD/DXG-X ngày 05 tháng 4 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần X với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ, bao gồm:

- Tiền lãi chậm thanh toán là 12.565.479.452 (mười hai tỷ năm trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng) (2);

- Phạt vi phạm là 2.400.000.000 (hai tỷ bốn trăm triệu đồng) (3).

Tổng cộng, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ phải thanh toán cho Công ty Cổ phần X tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: $(1) + (2) + (3) = 30.000.000.000$ (ba mươi tỷ đồng) + 12.565.479.452 (mười hai tỷ năm trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng) + 2.400.000.000 (hai tỷ bốn trăm triệu đồng) = 44.965.479.452 (bốn mươi bốn tỷ chín trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).

3/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Cổ phần X về:

- Công nhận giá trị quyết toán Hợp đồng thi công xây dựng số: 48/2017/HĐXD/DXG-X giữa Công ty Cổ phần X và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ ngày 05/4/2017 theo khối lượng thi công thực tế là 185.999.158.230 đồng.

- Buộc Đ phải bồi thường cho X các chi phí phát sinh do việc tạm dừng thi công với số tiền tạm tính (đã bao gồm VAT) là 6.068.525.067 đồng theo Hợp đồng thi công xây dựng số: 48/2017/HĐXD/DXG-X giữa X và Đ ngày 05/4/2017.

Ngoài ra án còn tuyên về lệ phí, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/8/2022, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh; đại diện bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm do hai bên chưa thực hiện kiểm tra khối lượng thực tế thi công công trình. Nếu không hủy án thì đề nghị sửa án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có

quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; của luật sư, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 16/8/2022, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đưa vụ án ra xét xử và ban hành Bản án số 1589/2022/KDTM-ST. Ngày 23/8/2022, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Căn cứ theo qui định tại Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đơn kháng cáo của bị đơn còn trong hạn luật định, nên hợp lệ.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng thi công, bị đơn Công ty Đ có trụ sở tại 2W Đường U, do đó căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm.

Do có kháng cáo của bị đơn nên căn cứ theo qui định tại điểm b Khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy án cấp sơ thẩm do hai bên chưa thực hiện kiểm tra khối lượng công trình, nếu không hủy án thì đề nghị sửa án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với số tiền 30.000.000.000 đồng hai bên thống nhất thỏa thuận tại phiên tòa sơ thẩm thì bị đơn chỉ đồng ý trả số tiền 30.000.000.000 đồng này là phải bao gồm cả tiền phạt vi phạm và lãi suất chậm thanh toán.

Hội đồng xét xử xét thấy :

[3.1] Đối với việc bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm lý do hai bên chưa thực hiện kiểm tra khối lượng công trình. Xét thấy, tại biên bản kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thì trong danh sách các chứng cứ mà nguyên đơn nộp cho Tòa và bị đơn được nhận và được thông báo thì có bảng thống nhất khối lượng và đơn giá. Sau đó, thực hiện kiểm định công trình và xem xét khối lượng thực tế để định

giá. Căn cứ theo đề cương giám định công trình và kết luận giám định tư pháp xây dựng của Trung tâm quản lý nhà và giám định xây dựng thuộc Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định khối lượng cụ thể công trình và xác định số tiền bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn là 30.768.996.636 đồng. Mặt khác phía bị đơn không đồng ý với kết quả giám định nhưng lại không đề nghị một công ty khác giám định lại như vậy bị đơn mặc nhiên công nhận giá trị giám định. Và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đã trình bày số tiền còn lại phát sinh theo hợp đồng số 48/2017/HĐXD/DXG-X ngày 5/4/2017 là 30.000.000.000 đồng. Do đó, giữa hai bên đã thống nhất thỏa thuận và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã công nhận sự thỏa thuận này. Do đó, bị đơn yêu cầu hủy án với lý do nêu trên là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3.2] Đối với việc bị đơn yêu cầu sửa bản án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như đã trình bày ở trên, căn cứ theo lời trình bày của các bên cũng như căn cứ theo các chứng cứ hồ sơ thể hiện trong vụ án thì bị đơn cho rằng chỉ đồng ý trả 30.000.000.000 đồng cho nguyên đơn là đã bao gồm tất cả chi phí. Như vậy, việc bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3.3] Đối với mức phạt vi phạm Tòa án cấp sơ thẩm tính 8% và mức lãi suất do chậm thanh toán là 10.5% năm là hoàn toàn có lợi cho phía bị đơn.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu số tiền án phí phúc thẩm.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 1589/2022/KDTM-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ đồng ý thanh toán cho Công ty Cổ phần X là 30.000.000.000 (ba mươi tỷ đồng) (1) theo Hợp đồng thi công xây dựng số: 48/2017/HĐXD/DXG-X ngày 05/4/2017 giữa Công ty Cổ phần X với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Cổ phần X.

Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ thanh toán cho Công ty Cổ phần X theo Hợp đồng thi công xây dựng số: 48/2017/HĐXD/DXG-X ngày 05 tháng 4 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần X với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ, bao gồm:

- Tiền lãi chậm thanh toán là 12.565.479.452 (mười hai tỷ năm trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng) (2);

- Phạt vi phạm là 2.400.000.000 (hai tỷ bốn trăm triệu đồng) (3).

Tổng cộng, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ phải thanh toán cho Công ty Cổ phần X tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: $(1) + (2) + (3) = 30.000.000.000$ (ba mươi tỷ đồng) + 12.565.479.452 (mười hai tỷ năm trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng) + 2.400.000.000 (hai tỷ bốn trăm triệu đồng) = 44.965.479.452 (bốn mươi bốn tỷ chín trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Cổ phần X về:

- Công nhận giá trị quyết toán Hợp đồng thi công xây dựng số: 48/2017/HĐXD/DXG-X giữa Công ty Cổ phần X và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ ngày 05/4/2017 theo khối lượng thi công thực tế là 185.999.158.230 đồng.

- Buộc Đ phải bồi thường cho X các chi phí phát sinh do việc tạm dừng thi công với số tiền tạm tính (đã bao gồm VAT) là 6.068.525.067 đồng theo Hợp đồng thi công xây dựng số: 48/2017/HĐXD/DXG-X giữa X và Đ ngày 05/4/2017.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Công ty Cổ phần X tự nguyện chịu, đã nộp đủ.

5. Về chi phí giám định: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ phải chịu là 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu đồng), Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ có trách nhiệm thanh toán lại cho Công ty Cổ phần X số tiền 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu đồng).

6. Về án phí:

6.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 152.965.479 (một trăm năm mươi hai triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng).

Công ty Cổ phần X phải chịu án phí 48.000.000 (bốn mươi tám triệu đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền 74.380.000 (bảy mươi bốn triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0020038 ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, hoàn lại cho X số tiền 26.380.000 (hai mươi sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

6.2. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 (Hai triệu đồng), được cản trừ vào số tiền tạm ứng án

phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0013392 ngày 13/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày Công ty Cổ phần X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ còn phải trả tiền lãi cho Công ty Cổ phần X trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Trinh